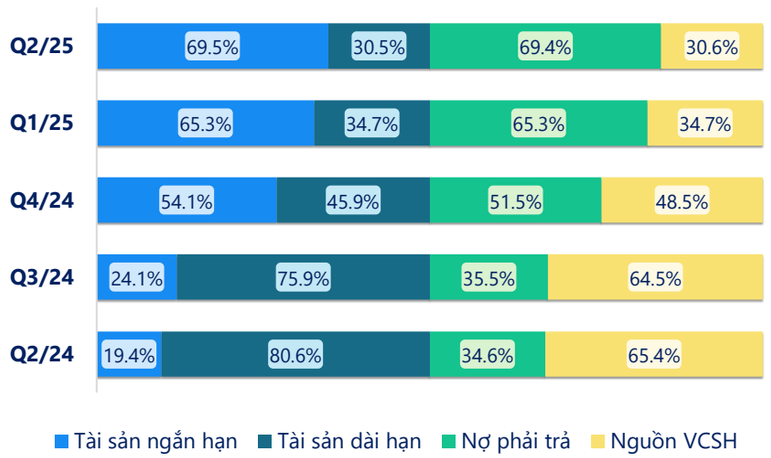
FireAnt

# CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)

| Thông tin giao dịch | 30/06/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 5,800 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 6,747 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 4,194 |
| SL cổ phiếu LH | 76,004,301 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 3,607,180 |
| % sở hữu nước ngoài | 1.9% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 441 |
| P/E | 20.8 |
| EPS | 279 |

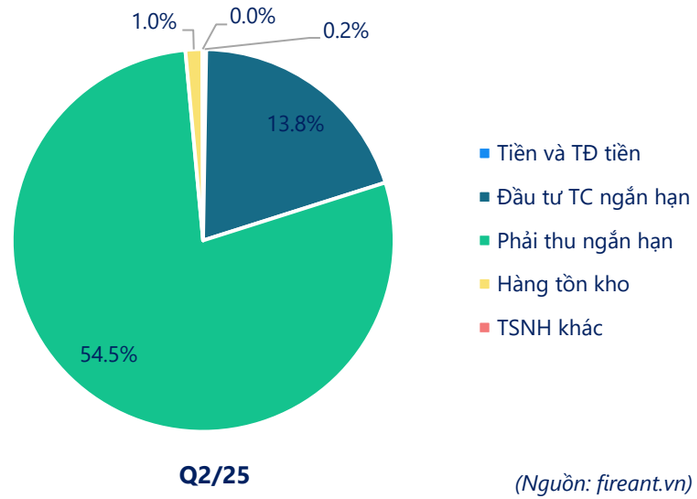
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| MST | -9.1% | 9.7% | -2.1% | -7.8% |
| VNINDEX | 8.4% | 2.1% | 5.3% | 8.0% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



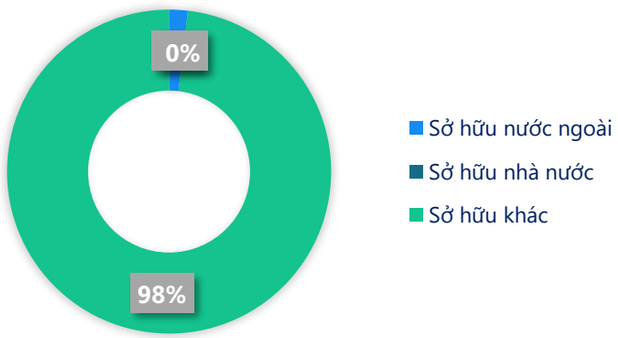

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



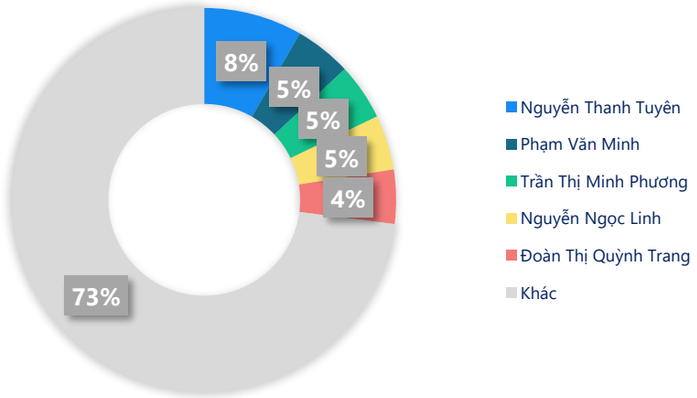

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



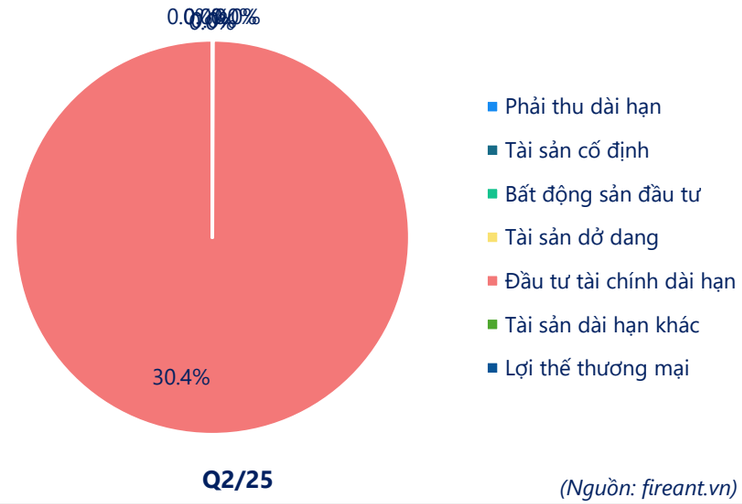

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

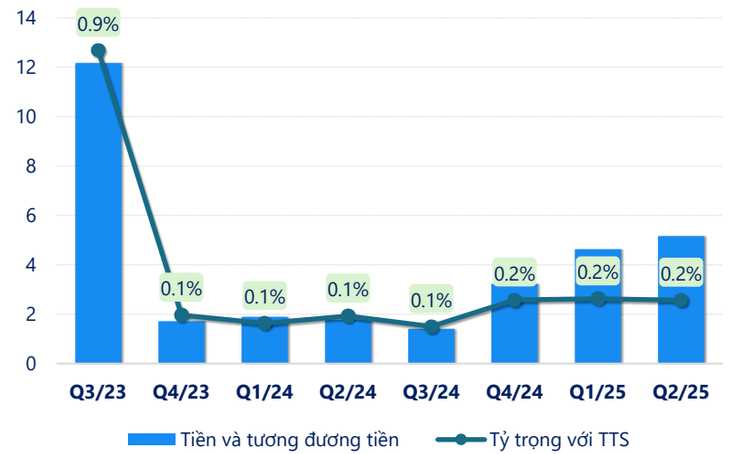



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

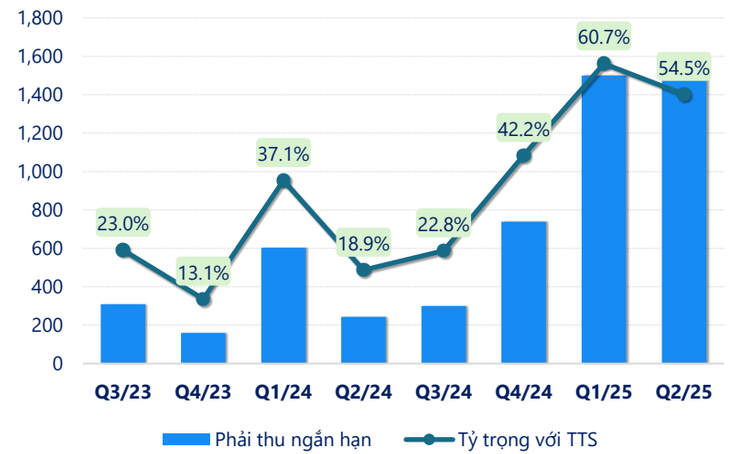
# CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)

## Tiền và tương đương tiền



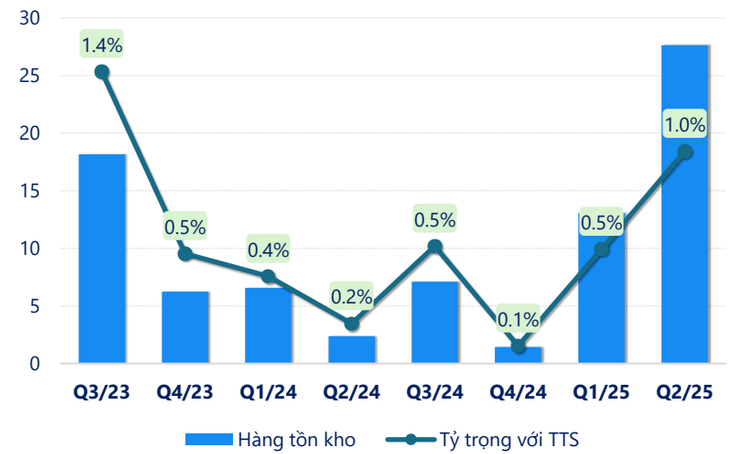

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



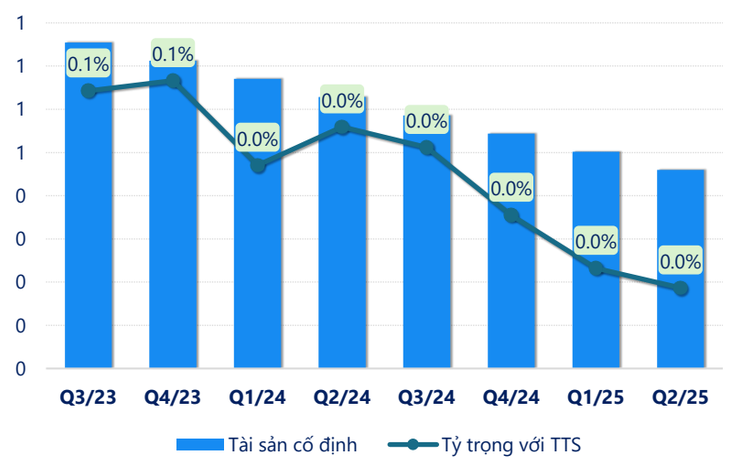

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



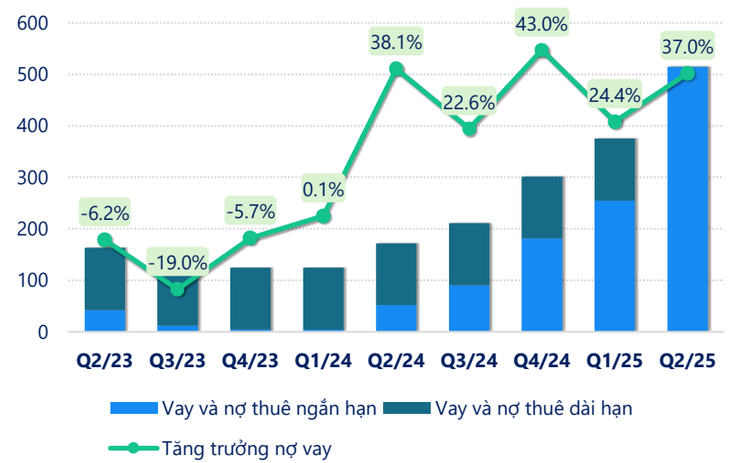

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



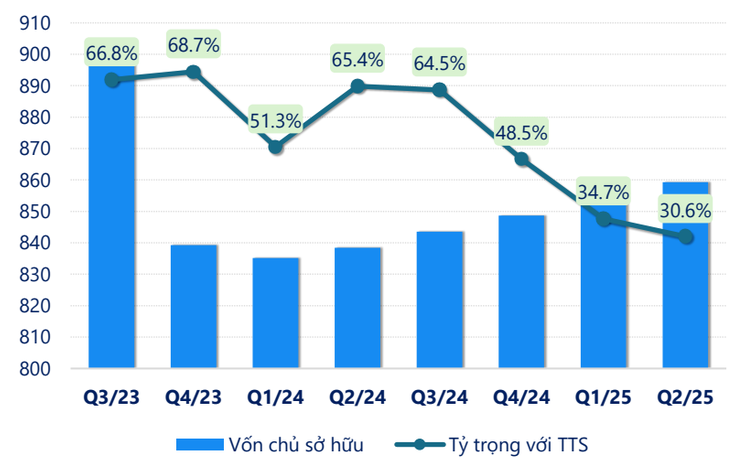

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu



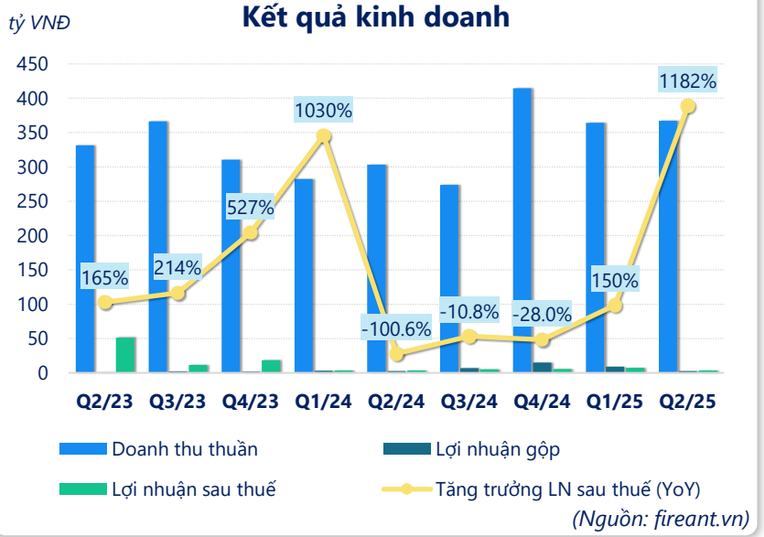

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

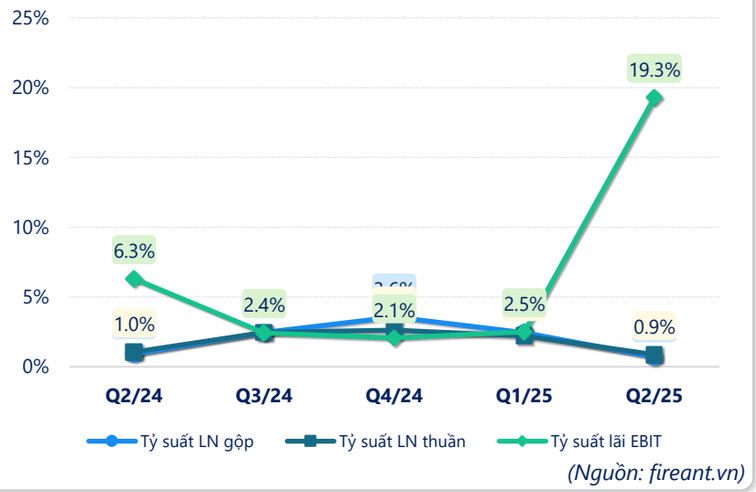
# CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)

## Kết quả kinh doanh



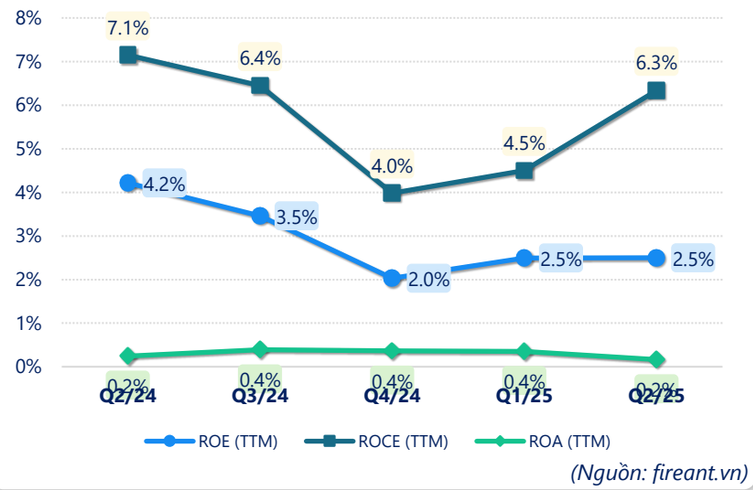

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



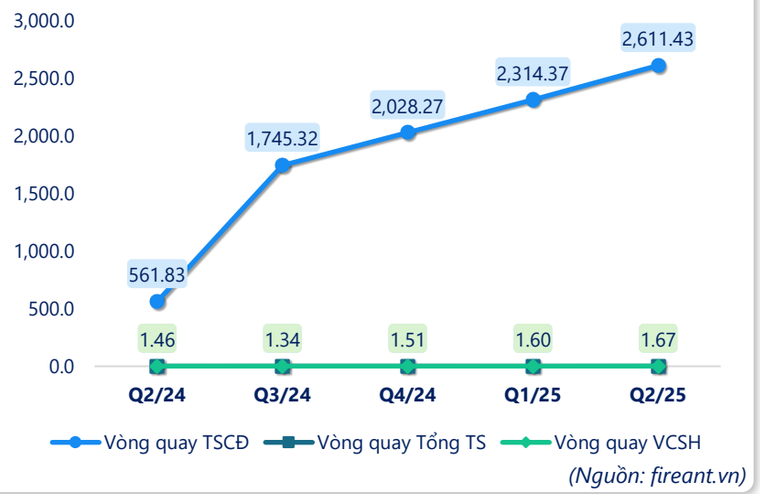

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



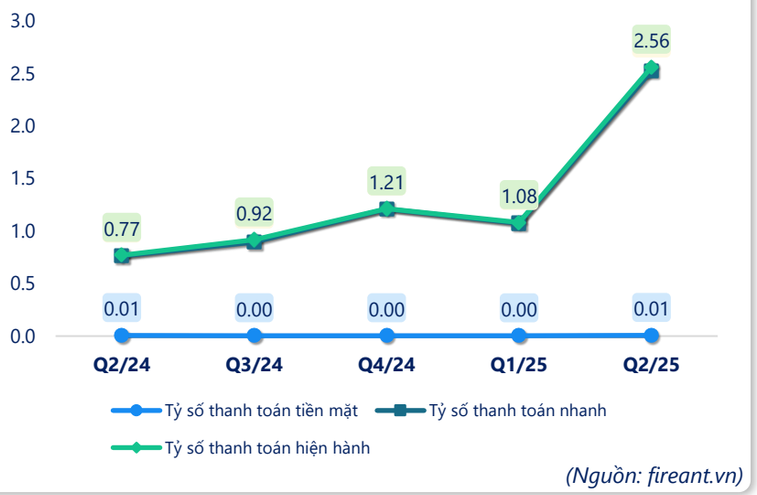

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



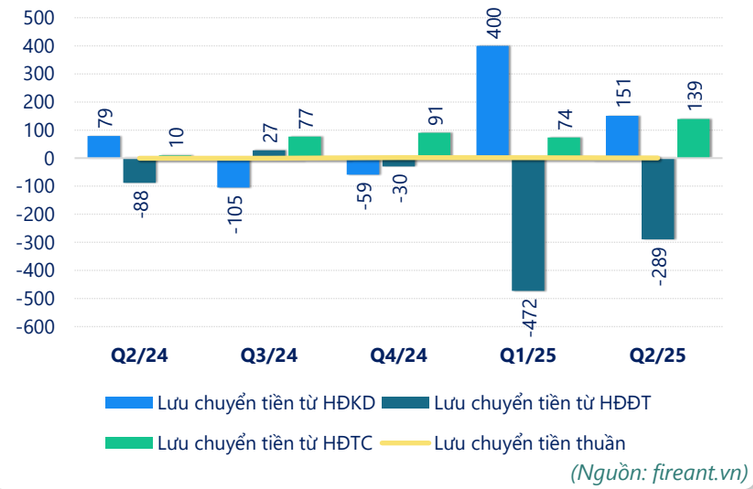

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Đầu tư MST (HNX: MST)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ) | Tại ngày 30/6/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **2,811** | **1,751** | **60.6%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 1,955 | 894 | 119% |
| Tiền và tương đương tiền | 5.16 | 3.23 | 60.0% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 388 | 31.0 | 1150% |
| Phải thu ngắn hạn | 1,533 | 858 | 78.7% |
| Hàng tồn kho | 27.6 | 1.43 | 1835% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.35 | 0.74 | 83.6% |
| **Tài sản dài hạn** | **856** | **856** | **0.0%** |
| Phải thu dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản cố định | 0.46 | 0.54 | -15.5% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 856 | 856 | 0.0% |
| Tài sản dài hạn khác | **0.02** | **0.02** | **-20.2%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 1,952 | 902 | 116% |
| **Nợ ngắn hạn** | **764** | **782** | **-2.2%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 514 | 181 | 183% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 146 | 155 | -5.6% |
| **Nợ dài hạn** | 1,188 | 120 | 887% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0.21 | 120 | -99.8% |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **859** | **849** | **1.3%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **859** | **849** | **1.3%** |
| Vốn điều lệ | 760 | 760 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 303 | 274 | 414 | 364 | 367 |
| Giá vốn hàng bán | 301 | 267 | 400 | 355 | 365 |
| **Lợi nhuận gộp** | 2.78 | 6.77 | 14.8 | 8.91 | 2.57 |
| Doanh thu HĐTC | 12.9 | 5.63 | 5.90 | 5.93 | 63.1 |
| Chi phí TC | 11.2 | 4.39 | 8.14 | 5.48 | 61.2 |
| **Chi phí lãi vay** | 16.0 | 0 | 0 | 0 | 66.7 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0.14 | -0.10 |
| Chi phí QLDN | 1.29 | 1.26 | 1.65 | 1.14 | 1.36 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 3.18 | 6.76 | 10.9 | 8.08 | 3.20 |
| Lợi nhuận khác | 0.00 | -0.11 | -2.32 | 1.04 | 1.02 |
| **LN trước thuế** | 3.18 | 6.64 | 8.57 | 9.12 | 4.22 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 3.26 | 5.18 | 5.40 | 7.27 | 3.37 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 3.26 | 5.18 | 5.40 | 7.27 | 3.37 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ) | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 | Q2/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 78.7 | -105 | -58.8 | 400 | 151 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -88.4 | 27.3 | -30.0 | -472 | -289 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | 9.58 | 76.9 | 90.7 | 73.7 | 139 |
| Tiền đầu kỳ | 1.89 | 1.77 | 1.40 | 3.23 | 4.63 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **-0.12** | **-0.36** | **1.82** | **1.40** | **0.53** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 1.77 | 1.40 | 3.23 | 4.63 | 5.16 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic